

# CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ, SINH THÁI VÀ XÃ HỘI VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, TRẢI NGHIỆM TỪ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG <sup>1</sup>

Nguyễn Ngọc Trân <sup>2</sup>

## Tóm tắt

Châu thổ sông Mekong, mà phần trên lãnh thổ Việt Nam được gọi là đồng bằng sông Cửu Long, là một trong ba châu thổ lớn trên thế giới đang bị uy hiếp nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu toàn cầu.

Sau khi hòa bình thống nhất đất nước, đồng bằng đã đạt được những thành tựu rất ấn tượng trên mặt trận sản xuất lúa gạo và nuôi trồng thủy sản, đóng góp quan trọng vào an ninh lương thực quốc gia và kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Mô hình tăng trưởng thiên về số lượng, theo chiều rộng, sau bốn thập kỷ đã khiến tài nguyên đất bị khai thác cạn kiệt, tài nguyên nước bị lãng phí. Chuyển đổi kinh tế đã kéo theo những thay đổi quan trọng về môi trường, đặc biệt các hệ sinh thái ngập nước và làm nghèo kiệt đa dạng sinh học. Hạ tầng cơ sở bất cập, đặc biệt về giao thông, là điểm nghẽn chính cho sự phát triển. Từ năm 2000, đồng bằng tụt hậu so với bình quân cả nước.

Đồng bằng sông Cửu Long, mặt khác, còn phải đối diện với biến đổi khí hậu và hậu quả của việc xây dựng các đập thủy điện trên dòng chính sông Mekong ở thượng nguồn, hai thách thức đe dọa đồng bằng bị xâm thực và bị lún chìm.

Định hình lại mô hình phát triển bền vững đồng bằng là bức thiết. Trong bối cảnh như vậy, Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ được ban hành tháng 11 năm 2017.

Trải nghiệm từ đồng bằng chỉ ra rằng phải chuyển đổi hài hòa cùng lúc ba trụ cột, tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Thực tế phát triển còn chỉ ra những việc mà Nhà nước phải đảm trách, những việc thuộc về cộng đồng xã hội, đặc biệt nông dân, người sản xuất, các doanh nghiệp, các viện trường và các nhà khoa học. Và quan trọng hơn cả là nhiệm vụ của Nhà nước và của cộng đồng xã hội phải đi cùng một hướng và được tích hợp.

**Từ khóa.** Đồng bằng sông Cửu Long, chuyển đổi kinh tế, xã hội, môi trường, phát triển bền vững, Nghị quyết 120, vai trò Nhà nước, vai trò cộng đồng xã hội.

## Mở đầu

“*Chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội vì sự phát triển bền vững, ...*” hay “*Phát triển bền vững và Chuyển đổi kinh tế, sinh thái, xã hội, ...*” chọn cách viết nào cho tựa đề của bài tham luận? Sau nhiều cân nhắc, tác giả đã giữ lại cách viết thứ nhất.

Cuộc sống, công cuộc tái thiết đất nước sau chiến tranh buộc đồng bằng sông Cửu Long phải bắt tay ngay vào mặt trận kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bảo đảm cuộc sống của người dân trong bối cảnh đất nước đang bị bao vây cấm vận khá ngặt nghèo, và hòa bình vẫn chưa được trọn vẹn ở hai đầu biên giới.

<sup>1</sup> Trình bày tại Hội thảo quốc tế “*Chia sẻ kinh nghiệm về nghiên cứu và hoạch định chính sách trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế, xã hội, sinh thái*” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN và Quỹ Rosa Luxemburg, Cộng hòa Liên bang Đức tổ chức tại Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, ngày 28.05.2019.

<sup>2</sup> Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, Nguyên Chủ nhiệm Chương trình nhà nước *Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long*, nguyên Đại biểu Quốc hội các khóa IX, X, XI, Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Đối ngoại Quốc hội.

Vào thời điểm đó trên thế giới, *môi trường, sinh thái*, mới được cộng đồng quốc tế xác lập tại Hội nghị Rio de Janeiro năm 1972. Khái niệm *Phát triển bền vững* mãi đến năm 2002 mới được đặt ra hội nghị thượng đỉnh toàn cầu tại Johannesburg.

Chuyển đổi kinh tế, chuyển đổi xã hội vì sinh kế và cuộc sống của người dân đã dẫn đến những chuyển đổi về môi trường. Không phải chuyển đổi về môi trường nào mà chúng tôi đã tiến hành cũng đều được nhận ra là “đúng” mười, hai mươi năm sau. Từ đó buộc đồng bằng đặt ra câu hỏi *phải làm gì để có được sự tăng trưởng kinh tế ổn định, môi trường được bảo vệ, và cuộc sống của người dân không ngừng được cải thiện về vật chất và về tinh thần?* hay nói theo cách nói hiện nay, *để sự phát triển đồng bằng sông Cửu Long được bền vững*. Qua trải nghiệm thực tế của đồng bằng sông Cửu Long, bài tham luận trình bày một số *kinh nghiệm*, mà cũng có thể xem là *kiến nghị*, về phát triển bền vững.

## 1. Một vùng đất trẻ đang bị uy hiếp nghiêm trọng

Châu thổ sông Mekong là vùng đất nằm ở tận cùng của lưu vực sông Mekong, giáp với Biển Đông và Vịnh Thái Lan. Đồng bằng sông Cửu Long là phần của châu thổ trên lãnh thổ Việt Nam sau đây được viết tắt là VMD (Vietnamese Mekong Delta).

VMD được hình thành vào khoảng 6000 năm BP, từ quá trình biển lùi và từ trầm tích thượng nguồn theo sông Mekong đổ ra biển [1] dưới tác động tổng hợp của sông, sóng và triều. Quá trình hình thành VMD được thể hiện trong *Hình 1*, vị trí của VMD trong tam giác định vị các châu thổ Galloway trong *Hình 2*.

Chương trình khoa học nhà nước *Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long* đã phân VMD thành 5 đơn vị môi trường vật lý, *Hình 3* [2]. Sự giao thoa giữa sông và triều hình thành nên tại VMD ba tiểu vùng: (I) sông chi phối, (II) tranh chấp sông – biển, và (III) biển chi phối. Ranh giữa ba tiểu vùng không cố định. *Hình 4*.

VMD bằng phẳng, thấp trũng, cao trình mặt đất so với mực nước biển phổ biến từ 0,5 đến 1,5 mét. Tổ chức liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) đánh giá VMD là một trong ba châu thổ lớn trên thế giới bị đe dọa nghiêm trọng nhất bởi sự nóng lên của khí hậu toàn cầu. Mặt khác, nó đang đứng trước nguy cơ bị xâm thực từ biển và bị nhấn chìm do đói trầm tích vì các đập thủy điện trên dòng chính ở thượng nguồn giữ lại.

## 2. Thành tựu ấn tượng về kinh tế, thay đổi sâu sắc về môi trường

Sau năm 1975, Việt Nam bắt tay vào công cuộc tái thiết đất nước. Sản xuất lương thực là một nhiệm vụ kinh tế xã hội bức bách hàng đầu của cả nước, đặc biệt của VMD vốn được xem là vựa lúa của cả nước.

Ba vấn đề cần giải quyết là *phèn, chua và mặn* để khai thác ba tiểu vùng đất rộng người thưa lúc bấy giờ là *Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên* và *Bán đảo Cà Mau*.

Khó khăn khi đó đối với đồng bằng, đặc biệt trong hai đồng lũ Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, là vào mùa mưa thì thừa nước, đồng ruộng bị ngập trắng, nhưng vào mùa khô thì lại thiếu nước trầm trọng, đất nứt nẻ, phèn xì lên từ những lớp đất phèn bên dưới bị oxy hóa. Vào mùa khô nước mặn theo triều xâm nhập sâu vào đồng bằng. Đầu mùa mưa, phèn được rửa, chảy vào kênh rạch kéo độ pH xuống thấp. Phải chờ cho đất bớt phèn mới canh tác lúa được.

Việt Nam đã vượt qua khá thành công các thách thức này bằng sự thay đổi khá sâu sắc môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái.

Hàng vạn kilomet kênh các cấp đã được đào để ém phèn, tháo chua, rửa mặn để canh tác lúa. (Hình 5). Nhiều công ngăn mặn, giữ ngọt và “ngọt hóa” những vùng bị nhiễm mặn đã được xây cùng với các bờ bao, các cống dọc theo sông tại An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và Long An tạm ngăn lũ để thu hoạch xong vụ lúa Hè Thu. Để mở rộng diện tích canh tác lúa, rừng tràm trong Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, ở rừng U Minh bị thu hẹp dần (Hình 6, 7), các vùng trũng được “chất cạn” nước.

Từ hai vụ Đông Xuân và Hè Thu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tỉnh tìm cách đưa thêm vụ lúa Thu Đông, nâng lên làm ba vụ một năm (có địa phương còn làm 7 vụ trong hai năm) bằng cách nâng cao các bờ bao làm chậm lũ thành đê bao ngăn lũ triệt để [3]. Hình 8.

Tổng sản lượng lúa của đồng bằng năm 1976 khoảng 4,5 triệu tấn, năm 1986 khoảng 7 triệu tấn. Hiện nay, xấp xỉ 25 triệu tấn. Xuất khẩu gạo từ VMD chiếm khoảng 90% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước mặt hàng này.

Cái giá phải trả về môi trường là *tài nguyên đất* bị khai thác kiệt quệ, đồng ruộng không được hứng phù sa và làm vệ sinh hàng năm vào mùa lũ như trước đây. Sâu bệnh ngày càng nhiều. Phân bón hóa học và thuốc trừ sâu được sử dụng suốt năm liên tục. *Tài nguyên nước* bị lãng phí vì một lượng nước vào mùa mưa trước đây tràn đồng thì nay bị dồn vào trong lòng dẫn các sông kênh, chảy siết để thoát lũ, gây nên tình trạng sạt lở bờ sông ngày càng tăng về số lượng và mức độ nghiêm trọng. *Đa dạng sinh học*, đặc biệt các loài cá đen, rùa, rắn, các loài chim, trong các hệ sinh thái ngập nước trong Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, Rừng tràm U Minh biến mất dần.

*Thủy sản* là một thế mạnh khác, sau lúa gạo, của VMD.

Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, kể cả thủy sản biển hãy còn khiêm tốn trong thập niên 1980. Hiện nay tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản ĐBSCL chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước mặt hàng này.

Diện tích nuôi tôm lớn lên nhanh chóng. Trong tiểu vùng (III) quy hoạch diện tích nuôi tôm cho 5 năm đã được các tỉnh ven biển từ Bến Tre qua Cà Mau đến Kiên Giang hoàn thành trong 2 đến 3 năm, thậm chí có nơi còn nhanh hơn. Một động lực của chuyển đổi là cánh kéo giữa giá lúa và giá tôm (lúc đó giá 1 ký tôm bằng 12 ký lúa).

Có cả những công ngăn mặn giữ ngọt trước đây được xây để canh tác lúa, (như ở Đầm Dơi, Cái Nước, tỉnh Cà Mau) bị đập phá bởi chính những người dân đã xây nên để lấy nước mặn vào nuôi tôm. Có nhiều công ngăn mặn trong vùng ngọt hóa ở Bán đảo Cà Mau được mở thường xuyên để cho nước mặn vào các vuông tôm trong vùng.

Cái giá phải trả là mất rừng ngập mặn. Rừng ngập mặn ở bán đảo Cà Mau đã không bị chất độc màu da cam hủy diệt trong chiến tranh lại mất đi nhanh chóng nhường chỗ cho các vuông nuôi tôm. Hình 9. Thiếu nước ngọt, để giữ cho độ mặn trong ao phù hợp cho nuôi tôm, nước ngầm đã được bơm bổ sung. Ở một số nơi trong vùng đã ngọt hóa, người dân lại khai thác *nước ngầm* để đảm bảo độ mặn trong vuông cho tôm phát triển. Hệ quả là mực nước ngầm sụt giảm nhanh và mặt đất bị sụt lún [4, 5] Hình 10.

### 3. Hạ tầng cơ sở về giao thông bất cập, một điểm nghẽn chính cho phát triển

Những công trình quan trọng về hạ tầng cơ sở giao thông được xây dựng từ năm 1975 ở đồng bằng gồm có 4 cây cầu bắc qua sông Tiền (Mỹ Thuận 2000, Cao Lãnh 2018), và sông Hậu (Cần Thơ 2010, Vàm Cống 2019), đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Trung Lương (61,9 km, 2010). Đường N2 kết nối Tp Hồ Chí Minh với Cà Mau với hai cầu Cao Lãnh và Vàm Cống vừa hoàn thành giai đoạn 1.

Tuy vậy *Hình 11* cho thấy tình trạng nghèo nàn, bất cập về hạ tầng cơ sở giao thông ở VMD so với cả nước.

Năm 2009, mật độ đường bộ tất cả các loại là 1343 mét/km<sup>2</sup>; 3132 mét/1000 dân. Riêng cho Quốc lộ và đường cao tốc các mật độ là 44 mét/km<sup>2</sup> và 103 mét/1000 dân. Cho tới nay, vẫn chưa có một luồng cho tàu biển trọng tải 20000 tấn vào tới Cần Thơ.

Tình trạng này khiến cho giá cả vật tư đầu vào thì cao, giá bán sản phẩm lại thấp, rất bất lợi cho người sản xuất. Thu nhập của người dân bị ảnh hưởng rất nhiều.

Đường sá đi lại khó khăn nhất là vào mùa ngập nước cũng đã ảnh hưởng đến việc học hành của các cháu, đến phát triển giáo dục, nâng cao dân trí nói chung và về lâu dài đến sự phát triển của VMD. Điều này đã được thể hiện rất rõ qua số liệu. Mặc dù sản xuất và đóng góp của VMD vào nền kinh tế chung cả nước liên tục tăng, từ năm 2000 thu nhập bình quân đầu người ở VMD liên tục giảm và thấp hơn bình quân chung cả nước [6]. *Hình 12, Hình 13.*

Sự tụt hậu của VMD so với cả nước còn được xác nhận qua một số biến đổi xã hội được trích ra từ *Báo cáo quốc gia “15 năm thực hiện các Mục tiêu thiên niên kỷ của Việt Nam”* [13].

Cũng cần nhắc lại, trong 12 năm (1993-2014) VMD đã nhận được 5,7 tỷ USD bằng 8,2% tổng ODA mà Việt Nam nhận được. Cũng trong khoảng thời gian này, VMD nhận được 4,9% tổng FDI mà Việt Nam đã nhận được từ đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Table 1.2: Poverty rate using international standard (%)

	1993	1998	2002	2004	2006	2008	2010	2012
National average	58.1	37.4	28.9	19.5	16.0	14.5	20.7	17.2
Mekong River Delta	--	--	23.4	15.9	10.5	12.3	18.7	16.2

Table 1.5: Average expenditure per person per annum (thousand VND)

	2002	2004	2006	2008	2010	2009*	2012*
National average	3,524	4,285	4,918	5,520	7,217	17,129	23,178
Mekong River Delta	3,410	4,301	4,669	4,941	6,315	14,350	18,698

Table 1.7: Employment to population ratio (%)

	2000	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Total	71.6	74.2	74.6	75.5	75.4	76.8	76.1
Mekong River Delta	--	74.4	74.4	75.7	75.9	75.5	75.4

Table 2.2: Literacy rates for population aged 15 and older (%)

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Total	93.6	93.8	93.6	94.0	93.7	94.2	94.7	94.8	94.7
Mekong River Delta	91.8	92.2	91.7	92.0	92.2	92.3	93.1	93.4	92.6

Table 2.3: Primary completion rates (%)

	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Total	83.5	83.7	92.4	85.8	87.9	88.5	91.5	92.2	92.1	92.2
By region:										
Red River Delta	--	--	--	--	--	--	98.7	99.1	98.8	97.8
Northern midland & mountains area	--	--	--	--	--	--	87.4	89.5	89.4	90.8
North Central area & Central coastal area	--	--	--	--	--	--	93.8	94.5	94.6	94.5
Central Highlands	--	--	--	--	--	--	81.8	83.3	83.6	83.8
South East	--	--	--	--	--	--	96.2	96.6	96.1	96.0
Mekong River Delta	--	--	--	--	--	--	85.5	86.1	86.4	87.8

Table 2.4: Completion rates for lower secondary education (%)

	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
Total	76.4	77.6	78.0	79.1	81.3
By region:					
Red River Delta	--	--	92.9	91.8	93.2
Northern midland & mountains area	--	--	79.7	81.3	84.0
North Central area & Central coastal area	--	--	80.0	81.0	83.8
Central Highlands	--	--	69.3	71.9	74.4
South East	--	--	77.3	80.1	82.1
Mekong River Delta	--	--	67.3	64.5	66.9

Source: 15 years achieving the Viet Nam Millennium Development Goals. Country Report, MPI, September, 2015

#### 4. Định hình lại mô hình phát triển. Nghị quyết 120/NQ-CP

Giai đoạn tăng trưởng *thiên về số lượng* và *phát triển theo chiều rộng* đã hoàn thành nhiệm vụ của nó. Sự chuyển đổi của VMD trong bốn thập niên qua mặt khác cho thấy đầu tư về hạ tầng cơ sở ở VMD còn nhiều bất cập để sự chuyển đổi kinh tế, xã hội được tương xứng. Định hình lại sự phát triển của VMD là cần thiết [7].

Cần thiết và còn là tất yếu vì VMD đang đối diện hai thách thức nghiêm trọng ảnh hưởng đến bản thân sự tồn tại của nó. Một, *toàn cầu*, là biến đổi khí hậu, nước biển dâng, và một, *khu vực*, là việc sử dụng nguồn nước sông Mekong trên thượng nguồn, mà trước tiên là xây dựng các nhà máy thủy điện trên dòng chính sông Mekong. Hai thách thức này đang đặt VMD trước nguy cơ bị xâm thực và bị lún chìm. *Phải chăng VMD đang ở vào chặng đường đầu của một quá trình ngược lại?* [8].

Những ai chia sẻ ý kiến về sự cần thiết này đều trông đợi ở *Hội nghị về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*, đã được tổ chức ngày 26 – 27/09/2017 tại Cần Thơ, do Thủ tướng Chính phủ chủ trì.

Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ mang tên của Hội nghị đã được ban hành ngày 17/11/2017 [9] với bốn quan điểm chỉ đạo:

(a) *Kiến tạo phát triển bền vững, thịnh vượng*, trên cơ sở *chủ động thích ứng*, phát huy tiềm năng, thế mạnh, *chuyển hóa những thách thức thành cơ hội* để phát triển, (...); chú trọng *bảo vệ đất, nước và con người*.

(b) *Thay đổi tư duy phát triển*, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, chủ yếu là sản xuất lúa sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường, chuyển từ phát triển theo số lượng sang chất lượng; (...) phát triển mạnh mẽ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu;

(c) *Tôn trọng quy luật tự nhiên*, phù hợp với điều kiện thực tế, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên; chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững với phương châm chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn; (...) Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm, giải quyết an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

(d) *Phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long* vì lợi ích chung của đất nước, Tiểu vùng sông Mê Công và quốc tế và là sự nghiệp của toàn dân, khuyến khích, huy động tất cả các tầng lớp, thành phần xã hội, các đối tác quốc tế và doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển.

#### 5. Một số bài học rút ra từ trải nghiệm ở VMD

Từ thực tế trải nghiệm ở VMD, chúng tôi rút ra ba bài học sau đây.

##### ***Bài học 1: Phải phát triển hài hòa ba trụ cột***

*Để sự phát triển được bền vững, phải tác động một cách hài hòa lên ba trụ cột: tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường. thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.*

Trải nghiệm này là một khẳng định một kết luận của *Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về Phát triển bền vững* tại Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) năm 2002 [10].

Hài hòa có nghĩa là *mọi tác động* (bằng quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư, công trình, hay bằng cơ chế chính sách) *đều phải có tác động tích cực cho cả ba cột trụ*, hay nói cách khác, *phải dẫn đến phân giao chung giữa ba vòng*. Hình 14.

### **Bài học 2: Về vai trò của Nhà nước**

Nhà nước có vai trò quyết định trong kiến tạo *mô hình tăng trưởng* của đất nước, của các vùng kinh tế sinh thái trong đó có VMD, trong hoạch định các *quy hoạch phát triển* với tầm nhìn dài hạn, các *kế hoạch 5 năm*, trong quyết định những *dự án đầu tư công* và cả *tư* với tổng mức đầu tư cao, tác động quan trọng đến môi trường và số cư dân phải di dời, tái định cư.

Hệ thống hành chính của Việt Nam hiện nay có 4 cấp trung ương, tỉnh, huyện và xã. Các quy hoạch, kế hoạch, dưới cấp quốc gia, vì những lý do hiển nhiên phải kết nối nhiều tỉnh. Việc xây dựng và triển khai các quy hoạch ở cấp này cần được *Nhà nước quy định trong những thể chế và cơ chế phù hợp*.

Việc xây dựng và triển khai các quy hoạch, kế hoạch cần đến sự *phối hợp liên ngành* thực chất và hữu hiệu trong Chính phủ. Cần phải vượt qua tình trạng *chia cắt giữa các ngành, khép kín trong ngành* để khách quan phân tích đánh giá Được/Mất của từng phương án trước khi quyết định, *trên cả ba mặt* kinh tế, xã hội và môi trường, có tính đến những thay đổi sâu sắc, nhanh chóng từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, *cybernetic*.

Vai trò của Nhà nước là thực hiện trách nhiệm *đầu tư trở lại* cho đồng bằng sông Cửu Long, như là một vùng kinh tế - sinh thái, *đúng* với môi trường, sinh thái, *có hiệu quả và tương xứng* với những gì đã khai thác các dịch vụ hệ sinh thái từ VMD. Hình 16.

Vai trò của Nhà nước còn là xây dựng các *chính sách* nhằm huy động, phát huy các nguồn lực của xã hội trong việc triển khai, và cập nhật mô hình tăng trưởng theo các thành tựu khoa học và công nghệ trên thế giới. Các chính sách còn phản ánh *chiến lược về nhân tài và tài năng* mà Nhà nước cần sớm xây dựng, sao cho cán cân giữa “*ra đi*” và “*trở về*” hay “*đến Việt Nam*” trước mắt, trong trung và dài hạn có lợi nhất cho đất nước.

Cuối cùng, Nhà nước, đặc biệt Quốc hội, cần *giám sát việc triển khai* các công việc nêu lên trên đây và thông qua giám sát để nâng cao chất lượng *quản lý nhà nước*.

### **Bài học 3: Về vai trò của cộng đồng xã hội**

Vai trò của cộng đồng xã hội là *không thể thiếu* vì con người vừa là *chủ thể*, vừa là *khách thể* của mọi chuyển đổi kinh tế, xã hội và môi trường. Có phát triển bền vững một quốc gia, một vùng lãnh thổ hay không, vai trò của cộng đồng xã hội, *từ nhận thức đến hành động*, là *quyết định*.

Những tác động của Nhà nước và của cộng đồng xã hội *phải đi cùng hướng* thì mới tìm được phân giao chung của ba trụ cột. Muốn vậy, trước khi ra những quyết định quan trọng Nhà nước cần thông báo và lắng nghe ý kiến của cộng đồng xã hội. Ngược lại cộng đồng xã hội cần xem việc đi tìm sự hài hòa của ba trụ cột là *lợi ích của chính mình*. Thông báo cho nhau, trao đổi với nhau, đi đến tích hợp những ý kiến đúng vào quy hoạch, kế hoạch tổng thể và ngành vì sự phát triển bền vững là cần thiết. Hình 15.

Trong cộng đồng xã hội, ở VMD, đóng góp của các *nhà khoa học*, các viện trường, ngoài nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, là nâng cao năng suất và hiệu quả của các khâu trong chuỗi các mặt hàng nông thủy sản bằng những tiến bộ khoa học công nghệ, và được hưởng thành quả lao động của mình; các *doanh nghiệp* và *doanh nhân* gắn kết các khâu của chuỗi sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra và bằng cách này nâng cao giá trị và thương hiệu các mặt hàng nông thủy sản. *Nhà nông*, mỗi *nông hộ*, từ chỗ nhay bèn học, bắt chước nhau sản xuất, phải trở thành những doanh nghiệp “siêu vi mô” liên kết với nhau để cùng nhau đi xa và đi vững chắc trong thời buổi các nền kinh tế ngày càng toàn cầu hóa, hội nhập và cạnh tranh khốc liệt.

## 6. Từ VMD nhìn trở lại toàn cục.

Để kết thúc bài tham luận này, xin được trích và phát triển đoạn cuối trong báo cáo của tác giả tại Hội thảo “*Từ các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2000-2015 đến các Mục tiêu phát triển bền vững sau 2015: Vai trò của Nghị viện*”<sup>3</sup>.

“Để đạt được *Phát triển bền vững* vai trò của *quản lý của Nhà nước*, trong đó có Quốc Hội, là quyết định trong phạm vi quốc gia đã đành. Nhà nước còn phải quan tâm đến các mối quan hệ với khu vực và toàn cầu”.

Phát triển bền vững được hay không trong một thế giới mà nền kinh tế ngày càng toàn cầu hóa, mà một số cường quốc luôn muốn áp đặt mình là một cực, mà sự phân cực, sự bất bình đẳng trong mỗi quốc gia, và giữa các quốc gia không ngừng diễn ra?

Một mô hình tăng trưởng lấy lợi nhuận làm tiêu chí *trước hết* và *trên hết*, chắc chắn là *một trường hợp loại trừ* đối với phát triển bền vững bởi lẽ nó sẽ lạm thác tài nguyên thiên nhiên, và sẽ tạo ra sự phân hóa xã hội quốc gia và sự bất bình đẳng quốc tế.

Toàn cầu hóa là tất yếu do sự lớn mạnh không ngừng của lực lượng sản xuất. Nhưng một toàn cầu hóa kinh tế *trượt dần từ tương thuộc trở về lệ thuộc*, tạo nên sự phân hóa và bất bình đẳng là *một yếu tố loại trừ khác* đối với phát triển bền vững bởi mang trong nó mầm mống của xung đột và chiến tranh.

Với tiến bộ khoa học và công nghệ, với trí tuệ của nhân loại, hoàn toàn có khả năng xây dựng những mô hình tăng trưởng phát triển hài hòa kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường ngày càng xanh, xác lập một toàn cầu hóa giải phóng con người và loài người, nếu đó là ý chí chính trị của các Nhà nước và của cộng đồng thế giới.

“Nhà nước các quốc gia còn phải cố gắng nhiều để *Hòa bình, Công lý, Phẩm cách, Con Người, Thịnh vượng*<sup>4</sup> trở thành hiện thực bởi đó là những mong ước từ lâu của nhân loại, mà không có thì phát triển bền vững là không thể.” [11].

<sup>3</sup> Hội thảo do Ủy Ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam chủ trì để chuẩn bị cho Đại hội đồng Liên minh Nghị viện Thế giới lần thứ 132 (IPU 132) tổ chức tại Hà Nội từ ngày 28/3 đến 1/4/2015 với chủ đề chính là “*Các mục tiêu phát triển bền vững: Biến lời nói thành hành động*”.

<sup>4</sup> *Phẩm cách, Con Người, Hành tinh của chúng ta, Thịnh vượng, Công lý, Hợp tác* được Ngài Tổng Thư ký Liên hiệp Quốc gọi là “*Yếu tố chủ yếu*” trong bài phát biểu tại Diễn đàn Liên hiệp Quốc, ngày 4.12.2014 [12].

## THƯ MỤC

- [1] (a) T.K.O. Ta, V.L. Nguyen, M. Tateishi, I. Kobayashi, Y. Saito. Holocene delta evolution and sediment discharge of the Mekong River, southern Vietnam. *Quaternary Science Reviews*, 21 (2002) 1807-1819. doi:10.1016/S0277-3791(02)00007-0.
- (b) Tamura Toru, SaitoYoshiki, Nguyen V. Lap, Ta T.K. Oanh, Bateman Mark D., Matsumoto Dan, YamashitaShota. Origin and evolution of interdistributary delta plains; insights from Mekong River delta. *Geology* 40 (4) (2012) 303-36.
- [2] ***Vietnamese Mekong Delta, Resources – Environment – Development***, Main Report of the State Scientific Program Integrated Comprehensive *Investigations of the Vietnamese Mekong Delta*, Nguyễn Ngọc Trân, Director of the State Program, State Committee for Sciences and Technologies, Hà Nội, March 1991.
- [3] Decision of the MARD, QĐ 101/QĐ-BNN-TT, January 15, 2015
- [4] Compendium of the Report *Assessment of apparent land loss in the province of Ca Mau, Vietnam*, Phase 1 Report 2012, Communication at the Workshop “Outcome of Research Project Phase 1 Assessment Land Loss in Ca Mau”, co-organized by the MARD, the Royal Norwegian Embassy in Vietnam and the Norwegian Geotechnical Institute, Can Tho, June 17, 2013.
- [5] Laura E Erban, Steven M Gorelick and Howard A Zebker, *Groundwater extraction, land subsidence, and sea-level rise in the Mekong Delta, Vietnam* Environ. Res. Lett. 9 (2014) 084010 (6pp).
- [6] Ho Long Phi, Communication at the Mekong Delta Plan Focus Group, Ho Chi Minh-City, January 14, 2015.
- [7] Nguyen Ngoc Tran, *The Vietnamese Mekong Delta facing global, regional and local Challenges, Necessary Changes in the State Matnagement*. Communication at the Symposium *The Vietnamese Mekong Delta coping with Climate Change*, Cà Mau September 25, 2016.
- [8] Nguyen Ngoc Tran, *Shaping the sustainable development of the Vietnamese Mekong Delta. Fundamental Considerations and Urgent Recommendations*, Communication at the Meeting of the Government on the *Sustainable Development of the Vietnamese Mekong Delta coping with the Climate Change*, Can Tho, September 26-27, 2017.
- [9] Resolution of the Government No 120/NQ-CP, *Sustainable Development of the Vietnamese Mekong Delta coping with the Climate Change*, November 17, 2017
- [10] Global Summit on Sustainable Development (WSSD), Report N0263694, Johannesburg 2002.
- [11] Nguyen Ngoc Tran, *Role of the Parliament in implementing the Millenium Development Goals. On the Sustainable Development Goals after 2015*. Communication at the Symposium “From the Millenium Development Goals (2000 – 2015) to the Sustainable Development Goals after 2015: The Role of the Parliament”, Hanoi, March 17, 2015.
- [12] Koffi Annan, *Secretary-General Remarks to the General Assembly on the Synthesis Report on the Post-2015 Agenda*, UN, 04.12.2014.
- [13] Ministry of Planning and Invesment, *15 years achieving Vietnam Millennium Development Goals*, Country Report, September 2015.



FIGURES

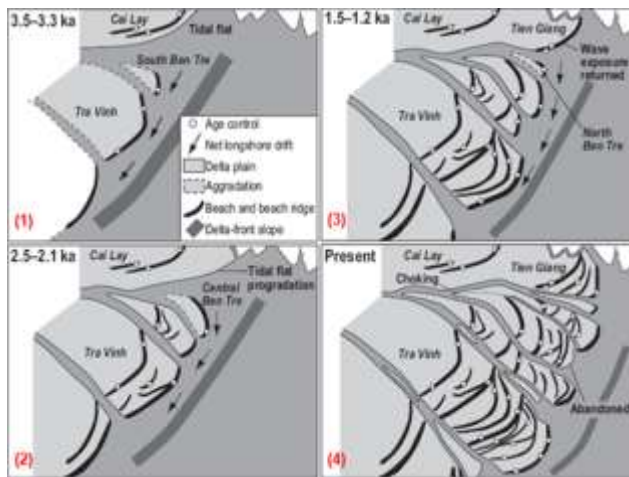


Fig.1. Schematic evolution of the Mekong River delta plains since 3500 yrs BP up to Present

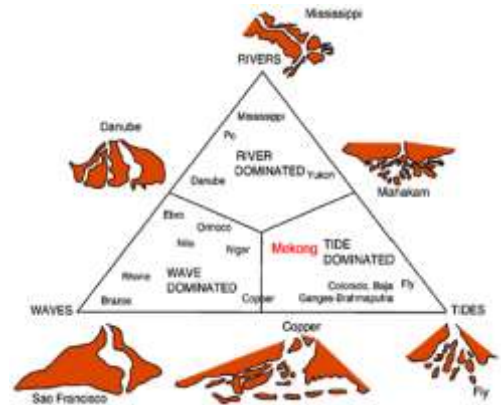


Fig.2. Mekong delta among others in the positioning Galloway Triangle

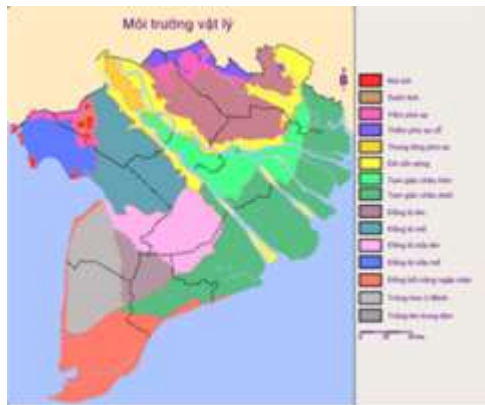


Fig.3. Physical Environments of the VMD:  
 1. Closed Flood Plain, Plain of Reeds;  
 2. Semi-open Flood Plain, Quadrangle Long Xuyên;  
 3. Semi-closed Flood Plain West Bassac;  
 4. Alluvial Delta between Mekong and Bassac Rivers;  
 5. Ca Mau Peninsula

1. Đồng lũ kín ĐTM (thềm phù sa cổ, yếm phù sa, đồng lũ kín, đê ven sông)
2. Đồng lũ nửa mở TGLX (yếm phù sa, núi sót, đê mở, đê ½ mở, đê v.sông)
3. Đồng lũ nửa kín Tây sông Hậu (đồng lũ nửa kín, và tam giác châu dưới)
4. Giữa sông Tiền sông Hậu (thl lũng phù sa, đê ven sông, tgc trên và dưới)
5. Bán đảo Cà Mau (trùng treo U Minh, trùng kín trung tâm, tgc dưới, đồng bồi nâng ngập mặn)



Fig.4. Three interference zones between fluvial and tidal processes  
 (I) Fluvial process dominates;  
 (II) Dynamic equilibrium zone between the two processes;  
 (III) Tidal process dominates;



Fig 5. Rivers and main channels in the VMD. Left: in 1964, from *Mathematical Model of the MR Delta*, UNESCO (Archives). Right: Current scheme used for modelling, from SWIRP.

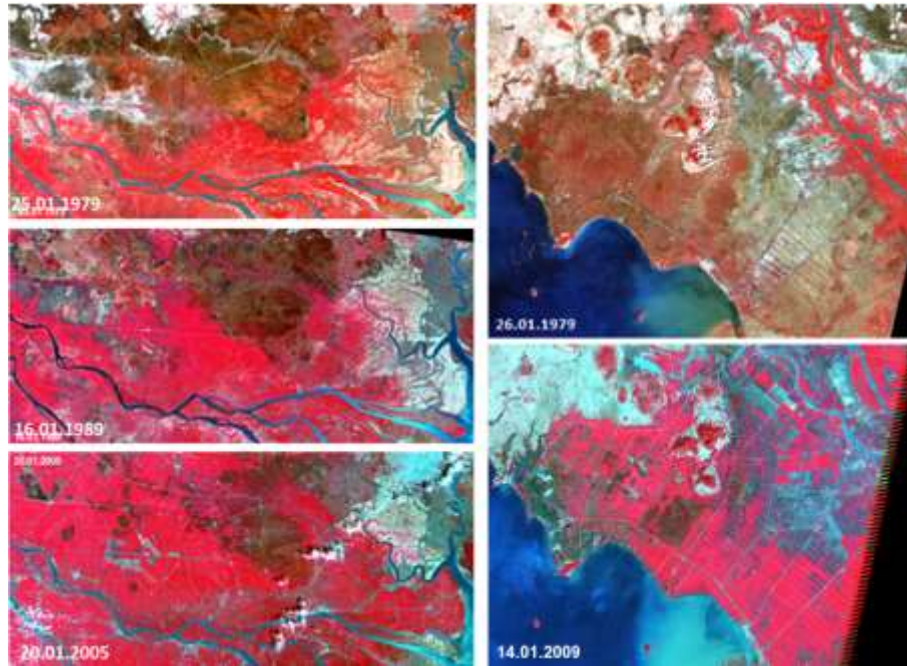


Fig.6. Loss of Meulaleuca forests in profit of rice fields, in the Plain of Reeds (left); in the Long Xuyên Quadrangle (right), ...

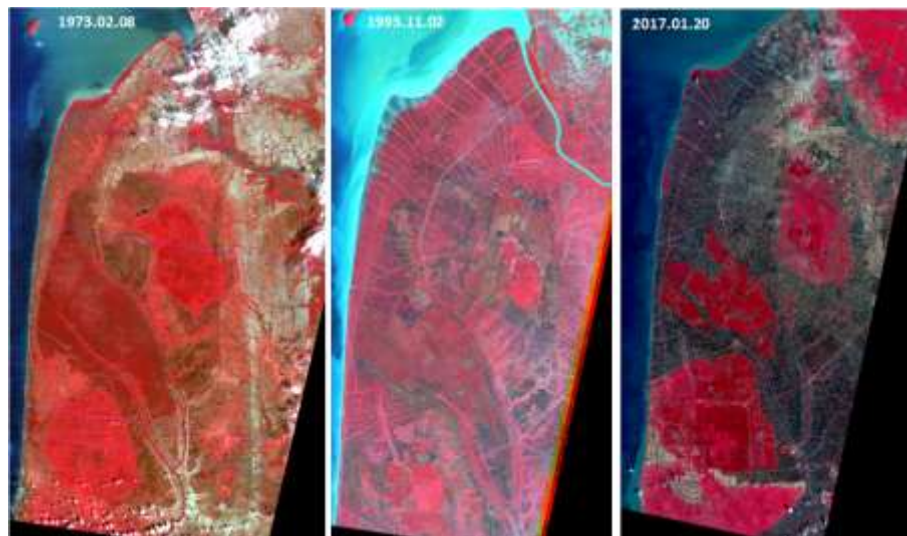


Fig.7. ... and in U-Minh, Ca Mau Peninsula.

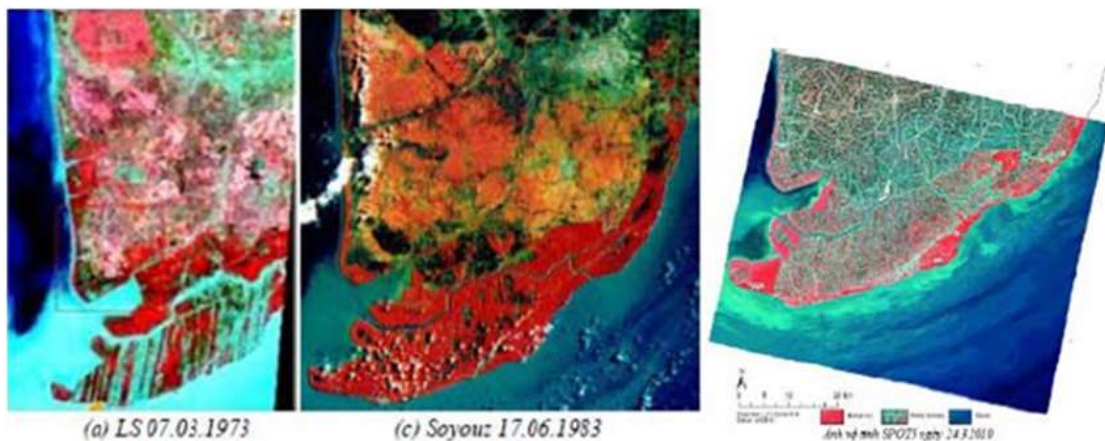


Fig.9. Mangrove in Ca Mau Peninsula (a) defoliated in 1973; (b) 1983; (c) 2010



Fig.8. Areas of the third rice crop Autumn-Winter in 2013

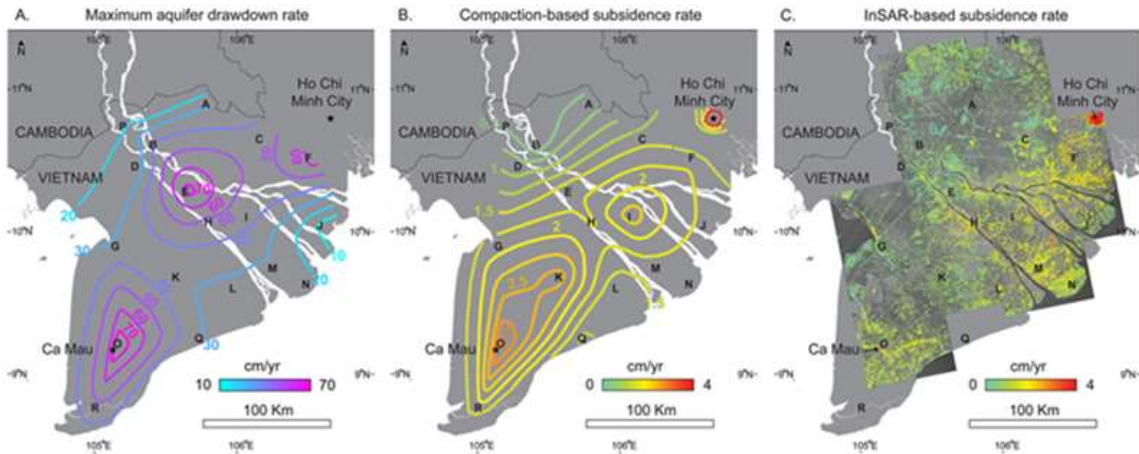


Fig.10. Aquifer drawdown and soil subsidence in the VMD according to [5]

**Số liệu tổng hợp hệ thống giao thông 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long**

Tỉnh	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số (ng. người)	Tổng các loại đường (km)	Tình trạng 2009		
				tốt	TB	xấu
An Giang	3537	2210.4	3490.69	387.31	1007.90	1643.40
Bạc Liêu	2584	820.1	7311.51	514.09	1410.11	4809.14
Bến Tre	2360	1353.3	3976.05	516.37	457.20	1405.00
Cà Mau	5332	1232.0	5082.40	3.30	225.90	2019.00
Cần Thơ	1402	1139.9	5004.92	1123.32	557.00	2047.00
Đồng Tháp	3376	1667.8	3419.47	392.60	430.02	502.48
Hậu Giang	1601	796.9	2604.69	330.80	396.90	1015.80
Kiên Giang	6348	1684.6	7107.31	164.17	700.34	3643.67
Long An	4494	1423.1	4514.49	408.79	1992.67	1669.36
Sóc Trăng	3312	1276.2	2216.09	509.68	739.25	328.19
Tiền Giang	2484	1717.4	4614.13	1036.80	1621.84	1509.72
Trà Vinh	2295	1036.8	3472.38	1142.40	137.17	1699.35
Vĩnh Long	1479	1057.0	1733.31	246.92	551.04	260.00

Nguồn số liệu: Cục Đường bộ, Bộ Giao thông vận tải

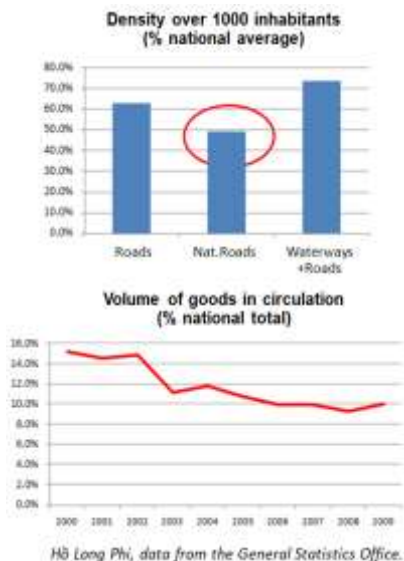


Fig.11. Roads in 13 provinces of VMD (left) compared with the national level (right)

**Production is growing extensively, but ...**

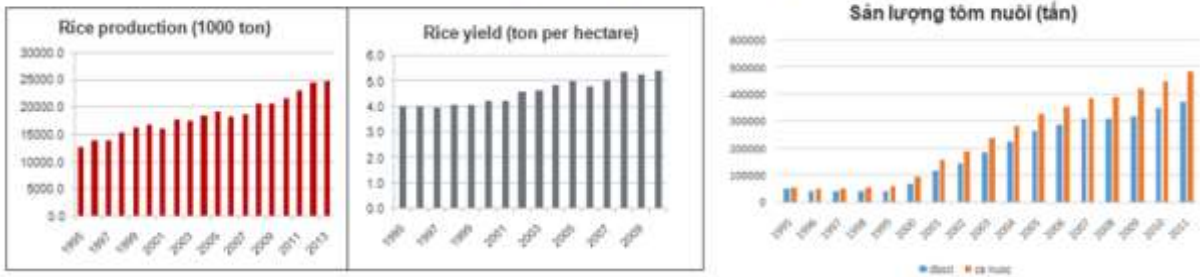


Fig.12. Production is growing extensively (1995 – 2013)  
 Rice production and rice yield (left) Farmed shrimp production  
 VMD (blue), whole country (orange)

**... the VMD is lagging behind**

- ◆ In 2011, GDP/per capita of 10/13 prov in the Delta are lower than the national average.
- ◆ GDP/per capita of the whole delta decreases continuously from 1999 to 2009.

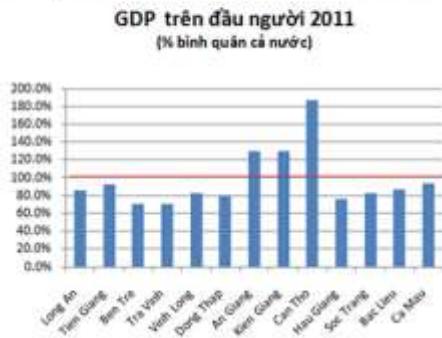


Fig.13a. GDP/capita of 13 VMD provinces and the national average



Fig.13b. VMD GDP/capita average compared with the national average



Fig.14. Three pillars of Sustainable Development. WSSD 2002, Johannesburg.

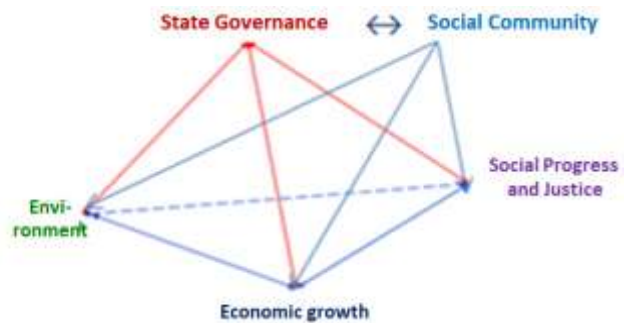


Fig.15. Role of the state governance and Role of the social community. Cooperation and Integration. Integrated Planning.